

Bản án số: 44/2021/ HC-ST

Ngày: 29/9/2021

*“V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hồng Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Duy Bảo

Bà Nguyễn Thị Q Anh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 29 tháng 9 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 55/2020/TLST-HC ngày 13 tháng 4 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Hng T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

***- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T:*** Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Xóm 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Ông Lê Huy H - Văn phòng luật sư Lê Huy H, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Tổ 7, ấp 1, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

***2. Người bị kiện:***

+ Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Ông Hng Văn H; Chức vụ: Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

+ Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Hữu D; Chức vụ: Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Hng Thị M, sinh năm 1957. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2019, đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2020, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Hng T trình bày:*

Ngày 26/01/1984, vợ chồng ông Nguyễn Hng T, bà Nguyễn Thị M nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đăng B diện tích 1857 m<sup>2</sup>, hiện nay thuộc thửa đất số 2774 tờ bản đồ số 16, địa chỉ tại: Xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, trên phần đất chuyển nhượng có 01 căn nhà cấp 4, toàn bộ đất đã được trồng hoa màu, cây tre, keo tràm...

Ngày 07/8/2019, ông Nguyễn Hng T có đơn đề nghị đo vẽ bổ sung hiện trạng sử dụng đất; ngày 05/4/2019 Văn phòng đăng ký đất quyền sử dụng đất huyện Đ phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất theo đó xác định hiện trạng sử dụng thửa đất của gia đình ông Nguyễn Hng T có diện tích là 1.752,4 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 2774 tờ bản đồ số 16, địa chỉ tại: Xóm 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Ngày 26/4/2019, ông Nguyễn Hng T có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi tới Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông tại thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.752,4m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Xóm 8, xã N, huyện Đ, tỉnh nghệ An.

Tuy nhiên, Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An đã Bn hành Công văn số 20/UBND ngày 13/5/2019 không chấp nhận đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T với lý do: Ông Nguyễn Hng T đã kê khai đất không đúng với nguồn gốc, không kê khai diện tích 26,5 m<sup>2</sup> thuộc quy hoạch đường giao thông lên Rú Bạc.

Không đồng ý với Công văn trả lời số 20/UBND ngày 13/5/2019 của Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ; ông Nguyễn Hng T có đơn khiếu nại tới Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã X, huyện Đ, ngày 06/8/2019, Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã X đã Bn hành Quyết định số 191/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho ông T với nội dung: Đồng ý với Công văn số 20/UBND của UBND xã X, huyện Đ; ông T tiếp tục có đơn khiếu nại, ngày 06/11/2019 Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An

Bn hành Quyết định số 2587/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho ông T với nội dung không đồng ý với khiếu nại của ông.

Do đó, ông Nguyễn Hng T đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (sau đây viết tắt là QĐ số 191/QĐ-UBND); hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2578/QĐ - UBND ngày 06/11/2019 của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An (sau đây viết tắt là QĐ số 2578/QĐ-UBND); Buộc Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ thực hiện hành vi hành chính thông qua hồ sơ kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông tại thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.752,4m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Xóm 8, xã N, huyện Đ, tỉnh nghệ An.

*Ý kiến của người bị kiện: Ủy Bn nhân dân xã N; Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An:*

Ngày 26/4/2019, Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ nhận được đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hng T đối với thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.752,4m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Xóm 8, xã N, huyện Đ, tỉnh nghệ An. Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T trình bày như sau: Ngày 26/6/1984 tôi nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đăng B một thửa đất ở tại xóm 8 xã N, huyện Đ, giá chuyển nhượng 730 đồng, số thửa 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.752,4m<sup>2</sup> trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 đã sử dụng liên tục từ đó đến nay, không có tranh chấp với ai.

Sau khi kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Ủy Bn nhân dân xã N và kết quả xét duyệt nguồn gốc của Hội đồng xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất của xã N thì xác định được: Thửa đất hiện nay gia đình ông Nguyễn Hng T đang sử dụng là thửa đất số 476, tờ bản đồ số 5, diện tích 675 (bản đồ 299 đo đạc năm 1983-1984). Năm 2006-2007 đo đạc bản đồ địa chính theo công nghệ mới là thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1857m<sup>2</sup>. Theo kết quả trích đo bổ sung tháng 4/2019 là thửa đất số thửa 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.752,4m<sup>2</sup>.

Về nguồn gốc thửa đất: Năm 1981 Hợp tác xã nông ngH thống nhất xã N giao đất không thu tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đăng C - bà Nguyễn Thị Q để xây dựng nhà ở. Năm 1982 ông C, bà Q đổi đất cho ông Nguyễn Mộng H - bà Nguyễn Thị T; gia đình ông C, bà Q về ở đất của ông H, bà T; bà Nguyễn Thị T về ở đất của ông C, bà Q (do bà T ly hôn với ông H, ông H chuyển đi khỏi địa phương). Năm 1984 bà Nguyễn Thị T lấy chồng chuyển đi nơi khác để lại cho ông Nguyễn Hng T đến ở.

Căn cứ vào nội dung xác minh, Ủy Bn nhân dân xã N khẳng định thửa đất ông Nguyễn Đăng B sử dụng trước khi đi khỏi địa phương là thửa đất số 424, tờ

bản đồ số 05, diện tích 1035 m<sup>2</sup>; bản đồ đo đạc năm 2006-2007 là thửa đất số 2652, tờ bản đồ số 16, diện tích 1101m<sup>2</sup> trước khi đi khỏi địa phương ông Nguyễn Đăng B đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Mỹ B.

Như vậy, thửa đất số thửa 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.752,4m<sup>2</sup> không phải của ông Nguyễn Đăng B chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hng T.

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ.UBND ngày 21/01/2019 của UBND huyện Đ về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã N thì giữa thửa đất số 2539 (của ông Nguyễn Đăng H) và thửa đất số 2774 của ông Nguyễn Hng T có quy hoạch mở đường giao thông rộng 6m, trong đó trên phần đất ông T rộng 4m, diện tích quy hoạch 26,5m.

Căn cứ Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm 2 Điều 19 Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh Nghệ An. UBND xã N đã Bn hành Công văn số 20/UBND đề nghị ông Nguyễn Hng T kê khai lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất để UBND xã N xác nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T. NH từ ngày 13/5/2019 đến ngày 20/6/2020 UBND xã N chưa nhận được đơn đề nghị hay nội dung kê khai lại nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Hng T và ông T cũng không yêu cầu UBND xã N giải đáp, hướng dẫn kê khai. Trong khi đó ông T lại có khiếu nại Công văn số 20/UBND của UBND xã N.

Sau khi tiến hành xác minh các gia đình ông Nguyễn Mỹ B, ông Nguyễn Đăng H và ông Nguyễn Văn T cùng các hồ sơ lưu trữ tại UBND xã N, Chủ tịch UBND xã N đã Bn hành Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 giải quyết khiếu nại cho ông Nguyễn Hng T với nội dung giữ nguyên Công văn số 20/UBND của Ủy Bn nhân dân xã N.

Như vậy, việc Ủy Bn nhân dân xã N đã Bn hành Công văn số 20/UBND ngày 13/5/2019 về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N Bn hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T là đúng quy định pháp luật.

*Ý kiến của người bị kiện - Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An:*

Thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16 hiện nay hộ ông Nguyễn Hng T đang sử dụng được hình thành từ năm 1981 do Hợp tác xã thống nhất xã N cấp cho ông Nguyễn Đăng C, bà Nguyễn Thị Q để xây dựng nhà ở. Năm 1982 ông C, bà Q đổi đất cho ông Nguyễn Mộng H, bà Nguyễn Thị T; gia đình ông C, bà Q về ở đất của ông H, bà T; bà Nguyễn Thị T về ở đất của ông C, bà Q. Năm 1984 bà Nguyễn Thị T chuyển đi nơi khác, hộ ông Nguyễn Hng T nhận chuyển nhượng và đến ở trên thửa đất nêu trên.

Năm 1983-1984 thực hiện Chỉ thị 229/TTg thì thửa đất ông Nguyễn Hng T sử dụng là thửa đất số 476, tờ bản đồ số 5, diện tích 675 m<sup>2</sup>. Hộ ông Nguyễn Hng T sử dụng ổn định từ năm 1984 đến tháng 7/2004. Từ tháng 8/2004 đến năm 2007 có biến động về ranh giới, mốc giới dẫn đến hình thể và diện tích thửa đất thay đổi.

Việc thửa đất hộ gia đình ông Nguyễn Hng T đang sử dụng có biến động diện tích tăng thêm sau ngày 01/7/2004 là đúng thực tế. UBND xã N khẳng định trước đây có ô đất trống và làm đường lên Rú Bạc cạnh thửa đất của ông Nguyễn Hng T

Theo quy hoạch nông thôn mới đã được Ủy Bn nhân dân huyện Đ phê duyệt tại Quyết định số 157/QĐ.UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019, ô đất cạnh thửa đất hộ gia đình ông T là con đường lên Rú Bạc.

Căn cứ trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy định tại Quyết định số 5630/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy Bn nhân dân tỉnh Nghệ An về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, Ủy Bn nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An thì Ủy Bn nhân dân xã N trả lời, Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất xã N không nhất trí đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đất số 2774, tờ bản đồ số 16, tại xóm 8 xã N theo đề nghị của ông Nguyễn Hng T là đúng quy định pháp luật.

Do đó đại diện Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An khẳng định việc Bn hành Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Hng T giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức đối thoại, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính (viết tắt Luật TTHC).

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 116; Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại; Điều 66, 67, 69, 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 21 nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hng T. Hủy một phần Quyết định số Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 06/08/2019 của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T (Lần đầu); Hủy một phần Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T (Lần hai) về nội dung xác định thời điểm biến động diện tích đối với thửa đất 2774 của ông Nguyễn Hng T sau ngày 01/7/2004.

Buộc người bị kiện phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định.

Về án phí: Buộc người bị kiện phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự thỏa thuận của Ủy Bn nhân dân xã N về việc chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.800.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục của Luật tố tụng Hành chính quy định. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, người bị kiện là Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện, theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T; Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T là các quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền Bn hành trong trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Hng T.

Công văn số 20/UBND ngày 13/5/2019 về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Hng T do Ủy Bn nhân dân xã

N Bn hành, mặc dù không được Bn hành dưới dạng quyết định nH chứa đựng nội dung của một quyết định hành chính và do cơ quan hành chính nhà nước Bn hành trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông Nguyễn Hng T. Căn cứ khoản 8 Điều 2 Luật khiếu nại: “Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước Bn hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể”.

Như vậy, Công văn số 20/UBND ngày 13/5/2019 về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Hng T do Ủy Bn nhân dân xã N Bn hành đối với ông Nguyễn Hng T; Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T; Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 03/12/2019, ông Nguyễn Hng T có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy các Quyết định số 191, Quyết định số 2587, Công văn số 20/UBND đơn khởi kiện nộp trong thời hạn 01 năm kể từ ngày nhận được, biết được quyết định hành chính nên đảm bảo về thời hiệu theo quy định tại Điều a, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[4]. Xét T hợp pháp của Công văn số 20/UBND ngày 13/5/2019 về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Hng T do Ủy Bn nhân dân xã N Bn hành, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền Bn hành:

Căn cứ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/4/2019 của ông Nguyễn Hng T đối với thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.752,4m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Xóm 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Ủy Bn nhân dân xã và kết quả xét duyệt nguồn gốc của Hội đồng xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất của xã N, xác định đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hng T kê khai không đúng nguồn gốc thửa đất và không kê khai phần diện tích đất có mở đường, nên ngày 13/5/2019, Ủy Bn nhân dân xã N đã Bn hành Công văn số 20/UBND để trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hng T là đúng theo quy định Luật tổ chức chính quyền địa phương.

[4.2] Về cơ sở pháp lý:

Sau khi kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Ủy Bn nhân dân xã N và kết quả xét duyệt nguồn gốc của Hội đồng xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất của xã N thì xác định được: Thửa đất hiện nay gia đình ông Nguyễn Hng T đang sử dụng là thửa đất số 476, tờ bản đồ số 5, diện tích 675 (bản đồ 299 đo đạc năm 1983-1984). Năm 2006 - 2007 đo đạc bản đồ địa chính theo công nghệ mới là thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1857m<sup>2</sup>. Theo kết quả trích đo bổ sung tháng 4/2019 là thửa đất số thửa 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.752,4 m<sup>2</sup>.

Về nguồn gốc thửa đất: Năm 1981, Hợp tác xã nông ngH thống nhất xã N giao đất không thu tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đăng C - bà Nguyễn Thị Q để xây dựng nhà ở. Năm 1982 ông C, bà Q đổi đất cho ông Nguyễn Mộng H - bà Nguyễn Thị T; gia đình ông C, bà Q về ở đất của ông H, bà T; bà Nguyễn Thị T về ở đất của ông C, bà Q (do bà T ly hôn với ông H, ông H chuyển đi khỏi địa phương). Năm 1984 bà Nguyễn Thị T lấy chồng chuyển đi nơi khác để lại cho ông Nguyễn Hng T đến ở. Năm 1983 - 1984 thực hiện chỉ thị 299/TTg, ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, về công tác đo đạc và phân hạng đất trong cả nước, Đoàn đo đạc 299 của huyện đã đo vẽ bản đồ 299, diện tích ông Nguyễn Hng T sử dụng là thửa đất số 476, tờ bản đồ số 5, diện tích 675 m<sup>2</sup>. Từ năm 1984 đến trước năm 2007 tất cả các hồ sơ đều phản ánh diện tích ông Nguyễn Hng T sử dụng là thửa đất số 476, tờ bản đồ số 5, diện tích 675 m<sup>2</sup>. Theo bản đồ công nghệ số đo đạc năm 2007: Diện tích ông Nguyễn Hng T đang sử dụng là thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích 1857 m<sup>2</sup>, kết quả trích lục đo vẽ bổ sung năm 2019 là thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích 1752 m<sup>2</sup>.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Hng T cho rằng ông đã kê khai đúng nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, căn cứ vào giấy viết tay của ông Nguyễn Đăng B về việc chuyển nhượng đất cho ông từ năm 1984; Lời khai của ông Nguyễn Đăng B; Lời khai của hai hộ liền kề là ông Nguyễn Đăng Hòa, Nguyễn Văn T, ngoài ra ông T thừa nhận không có giấy tờ gì.

Xem xét ý kiến của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hồ sơ có một giấy nhượng lại nhà cũ viết tay không có công chứng chứng thực đề ngày 26.6.1984 âm lịch (Hội đồng xét xử đã đối chiếu bản gốc), thể hiện nội dung: “Tôi Nguyễn Đăng B đứng chủ nhượng lại ngôi nhà đá cho anh Hng T, với giá thỏa thuận 730 đồng, nay anh T có quyền sử dụng ngôi nhà ấy”. Trong giấy không thể hiện nhượng nhà liền cư, không có diện tích và địa chỉ cụ thể, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung ông T cho rằng ông đã nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên của ông Nguyễn Đăng B từ năm 1984.

Tại biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Đăng B ngày 10/3/2021 thể hiện: Vào ngày 26/6/1984 ông có chuyển nhượng cho ông T 01 thửa đất của gia đình tại xóm



8, xã N với diện tích 1900 m<sup>2</sup> - 2000 m<sup>2</sup> với số tiền 730 đồng. Ngoài ra không cung cấp tài liệu gì thêm.

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn T (BL 142) là người ở thửa đất liền kề của ông T: Ông B chưa khi nào đến sử dụng và ở tại thửa đất ông T đang sử dụng.

Theo lời khai của ông Nguyễn Đăng Hòa (BL 143) là người ở thửa đất liền kề của ông T: Thửa đất ông Nguyễn Đăng B ở khi chuyển đi nơi khác đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Mỹ B, do ông Nguyễn Mỹ Hòa sử dụng.

Theo lời khai của ông Nguyễn Mỹ B (BL 128): Năm 1985, ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đăng B thửa đất số cũ 424, tờ bản đồ số 5, nay là thửa 2652, tờ bản đồ số 16.

Căn cứ vào nội dung xác minh, Ủy Bn nhân dân xã N khẳng định thửa đất ông Nguyễn Đăng B sử dụng trước khi đi khỏi địa phương là thửa đất số 424, tờ bản đồ số 05, diện tích 1035 m<sup>2</sup>; bản đồ đo đạc năm 2006-2007 là thửa đất số 2652, tờ bản đồ số 16, diện tích 1101m<sup>2</sup> trước khi đi khỏi địa phương ông Nguyễn Đăng B đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Mỹ B.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy, việc Ủy Bn nhân dân xã N kết luận thửa đất số thửa 2774, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.752,4m<sup>2</sup> không phải của ông Nguyễn Đăng B chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hng T và yêu cầu ông Nguyễn Hng T kê khai đúng nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất là có căn cứ.

Ngoài ra, công văn số 20 còn thể hiện nội dung: Căn cứ Quyết định số 157/QĐ.UBND ngày 21/01/2019 của UBND huyện Đ về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã N thì giữa thửa đất số 2539 (của ông Nguyễn Đăng H) và thửa đất số 2774 của ông Nguyễn Hng T có quy hoạch mở đường giao thông rộng 6m, trong đó trên phần đất ông T rộng 4m, diện tích quy hoạch 26,5m. Nên Ủy Bn nhân xã và Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất xã N không nhất trí đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất quy hoạch mở đường giao thông cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hng T để hủy Công văn số 20/UBND ngày 13/5/2019 về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Hng T do Ủy Bn nhân dân xã N Bn hành như đề nghị của ông T.

[5]. Xét T hợp pháp của các Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T; Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ.

[5.1]. Về trình tự thủ tục và thẩm quyền Bn hành:

[5.1.1]. Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hng T khiếu nại về việc ông T không không nhất trí với trả lời của Ủy Bn nhân dân xã N về nội dung xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông tại Công văn số 20 ngày 13/5/2019; Đề nghị xác minh làm rõ Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N Bn hành Công văn số 20 ngày 15/5/2019 có xuất phát từ động cơ “tư thù, trù dập” và có ngăn cản không cho ông T kê khai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không. Ngày 17/7/2019, Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N Bn hành quyết định số 186/QĐ - UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập tổ xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với ông Nguyễn Hng T và làm việc với một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trên cơ sở báo cáo ngày 02/8/2019 của Tổ xác minh ngày 06/8/2019 Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N đã Bn hành quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Điều 18; 27; 28; 29; 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

[5.1.2]. Đối với Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ.

Do không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, ông Nguyễn Hng T tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Ngày 04/9/2019, Chủ tịch Ủy Bn nhân dân huyện Đ Bn hành quyết định số 1878 về việc thành lập đoàn xác minh và tham mưu giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T. Tổ xác minh đã tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu, tổ chức làm việc với người khiếu nại và có báo cáo ngày 06/11/2019. Trên cơ sở đó ngày 06/11/2019, Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An đã Bn hành Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T (lần 2) là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại các Điều 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

[5.2] Về cơ sở pháp lý:

Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019, Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 đều giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T về 2 nội dung:

+ Nội dung 1: Ông Nguyễn Hng T không nhất trí với trả lời của Ủy Bn nhân dân xã N về nội dung xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông tại Công văn số 20.

+ Nội dung 2: Đề nghị xác minh làm rõ Chủ tịch của Ủy Bn nhân dân xã N Bn hành Công văn số 20 có xuất phát từ động cơ “Tur thù, trù dập” và có ngăn cản không cho ông Nguyễn Hng T kê khai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không?

Thứ nhất, đối với nội dung ông Nguyễn Hng T không nhất trí với trả lời của Ủy Bn nhân dân xã N về nội dung xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông tại Công văn số 20. Như đã phân tích trên, việc trả lời ông Nguyễn Hng T tại Công văn số 20 như vậy là có căn cứ. Tuy nhiên, tại Quyết định số 191 bổ sung thêm nội dung: Sau ngày 01/7/2004 thửa đất có biến động diện tích tăng thêm nH Công văn số 20 ngày 13/5/2019 chưa đề cập đến. Qua xem xét việc Ủy Bn nhân dân xã nhận định thời điểm biến động diện tích tăng thêm tại thửa đất số 2774 của ông Nguyễn Hng T thấy rằng:

Thửa đất ông Nguyễn Hng T hiện nay đang sử dụng là thửa đất số 476, tờ bản đồ số 5, diện tích 675 m<sup>2</sup> (bản đồ 299 đo đạc năm 1983-1984). Năm 2006-2007 đo đạc bản đồ địa chính theo công nghệ mới là thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16 diện tích 1857m<sup>2</sup>. Kết quả trích lục, trích đo bổ sung tháng 4 năm 2019 là thửa đất số 2774, tờ bản đồ số 16 diện tích 1752,4 m<sup>2</sup>.

Về hình thể thửa đất có sự khác nhau giữa 3 thời điểm đo đạc:

*Bản đồ 299 đo đạc năm 1983-1984:* Cạnh thửa đất ông Nguyễn Hng T giáp với thửa đất ông Nguyễn Văn T (cạnh C) thì độ dài cạnh thửa đất ông Nguyễn Hng T nhỏ hơn độ dài cạnh thửa đất của ông Nguyễn Văn T. Giữa thửa đất số 476 của ông Nguyễn Hng T và thửa đất số 426 của ông Nguyễn Đăng Hòa có một khoảng trống.

*Bản đồ đo đạc năm 2006-2007:* Cạnh thửa đất ông Nguyễn Hng T giáp với thửa đất ông Nguyễn Văn T (cạnh C) thì độ dài cạnh thửa đất ông Nguyễn Hng T lớn hơn độ dài cạnh thửa đất của ông Nguyễn Văn T. Giữa thửa đất số 476 của ông Nguyễn Hng T và thửa đất số 426 của ông Nguyễn Đăng Hòa không còn khoảng trống.

*Bản đồ trích đo năm 2019:* Cạnh thửa đất ông Nguyễn Hng T giáp với thửa đất ông Nguyễn Văn T (cạnh C) thì độ dài cạnh thửa đất ông Nguyễn Hng T lớn hơn độ dài cạnh thửa đất của ông Nguyễn Văn T. Giữa thửa đất số 476 của ông Nguyễn Hng T và thửa đất số 426 của ông Nguyễn Đăng Hòa không còn khoảng trống.

Thứ hai, đối với nội dung đề nghị xác minh làm rõ Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N Bn hành Công văn số 20 có xuất phát từ động cơ “Tur thù, trù dập” và có ngăn cản không cho ông Nguyễn Hng T kê khai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất hay không? Quá trình làm việc, Tổ xác minh đã tiến hành làm việc với ông Võ Hữu D - Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N xác định: Việc ông Nguyễn Hng T kê khai trong đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất là không đúng với nguồn gốc đất, Ủy Bn nhân dân xã Bn hành Công văn số 20 yêu cầu ông kê khai lại. Tại Công văn số 20 cũng nêu “Để có cơ sở cho Hội đồng đăng ký đất đai xã N và Ủy Bn nhân dân xã N xác nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất, Ủy Bn nhân dân xã N yêu cầu ông Nguyễn Hng T kê khai đúng nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất”. Do đó, không có cơ sở khẳng định Ủy Bn nhân dân xã N Bn hành Công văn số 20 có xuất phát từ động cơ “Tư thù, trù dập” và có ngăn cản không cho ông Nguyễn Hng T kê khai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất. Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy Bn nhân dân xã N tại Quyết định số 191 về nội dung này là có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hng T tuyên:

Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2578/QĐ - UBND ngày 06/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An về nội dung xác định thời điểm biến động diện tích đối với thửa đất 2774 của ông Nguyễn Hng T sau ngày 01/7/2004.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hng T yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất và đã chi phí hết 2.800.000 (Hai triệu tám trăm ngàn) đồng, tại phiên tòa đại diện Ủy Bn nhân dân xã N tự nguyện trả lại cho ông T chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Hng T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An, Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; Điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 116; Điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 204; Khoản 1 Điều 206, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, Điều 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại; Điều 66, 67, 69, 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 21 nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hng T:

- Hủy một phần Quyết định số Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 06/08/2019 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T (Lần đầu), một phần Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hng T (Lần hai) về nội dung xác định thời điểm biến động diện tích đối với thửa đất 2774 của ông Nguyễn Hng T sau ngày 01/7/2004.

Buộc Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An, Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự thỏa thuận của Ủy Bn nhân dân xã N về việc trả lại cho ông Nguyễn Hng T số tiền 2.800.000 (Hai triệu tám trăm ngàn) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Buộc Ủy Bn nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An phải chịu 300.000 (B trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Buộc Ủy Bn nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An phải chịu 300.000 (B trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Hồng Vân**